

Bài 29

Thực hành :

VẼ BIỂU ĐỒ, NHẬN XÉT VÀ GIẢI THÍCH SỰ CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU CÔNG NGHIỆP

I – MỤC TIÊU CỦA BÀI THỰC HÀNH

Sau bài học, HS cần :

1. Về kiến thức

- Củng cố kiến thức đã học về cơ cấu ngành công nghiệp của nước ta (bài 26).
- Bổ sung thêm kiến thức về cơ cấu công nghiệp theo vùng lãnh thổ.

2. Về kĩ năng

- Vẽ được biểu đồ cơ cấu dựa trên số liệu cho trước.
- Biết phân tích, nhận xét số liệu, biểu đồ và giải thích.
- Giải thích được một số hiện tượng địa lí kinh tế – xã hội trên cơ sở đọc Atlas Địa lí Việt Nam hoặc bản đồ giáo khoa treo tường.

II – CÁC PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- Bản đồ giáo khoa treo tường Công nghiệp chung Việt Nam, hoặc Atlas Địa lí Việt Nam.
- Một số dụng cụ học tập (máy tính bỏ túi, bút, thước, compa...).
- Biểu đồ vẽ trước (do GV chuẩn bị).

III – MỘT SỐ ĐIỂM CẦN LƯU Ý

1. Vẽ biểu đồ, nhận xét, giải thích theo bảng số liệu 29.1 SGK

a) Vẽ biểu đồ

- Dựa vào bảng 29.1 SGK, xử lí số liệu.

CƠ CẤU GIÁ TRỊ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP PHÂN THEO THÀNH PHẦN KINH TẾ

(Đơn vị : %)

Thành phần kinh tế	1996	2005
Nhà nước	49,6	25,1
Ngoài Nhà nước (tập thể, tư nhân, cá thể)	23,9	31,2
Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	26,5	43,7
Tổng cộng	100,0	100,0

- Từ bảng số liệu đã được xử lí, các dạng có thể vẽ được gồm :
 - + Biểu đồ cột.
 - + Biểu đồ ô vuông.
 - + Biểu đồ tròn.

Dạng thích hợp nhất là biểu đồ tròn.

– Vẽ biểu đồ tròn theo số liệu trên. HS cần lưu ý :

+ Sự khác nhau về bán kính của 2 đường tròn thể hiện năm 1996 và 2005.

+ Có chú giải.

Sau khi HS vẽ xong biểu đồ, GV đưa ra biểu đồ mẫu để HS đối chiếu.

b) Nhận xét

– Khu vực Nhà nước (quốc doanh) giảm mạnh, còn khu vực có vốn đầu tư nước ngoài và ngoài Nhà nước tăng nhanh.

c) Giải thích (có thể gắn phân giải thích với từng nhận xét)

Nguyên nhân chủ yếu là do chính sách đa dạng hoá các thành phần kinh tế và chính sách thu hút đầu tư trực tiếp của nước ngoài vào Việt Nam, trong đó chú trọng đến công nghiệp.

2. Nhận xét về cơ cấu và sự chuyển dịch cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp theo bảng số liệu 29.2 SGK

Nhận xét

– Không đồng đều giữa các vùng (do khác nhau về nguồn lực).

+ Các vùng có tỉ trọng lớn nhất :

• Đông Nam Bộ.

• Đồng bằng sông Hồng.

• Đồng bằng sông Cửu Long.

+ Các vùng còn lại có tỉ trọng nhỏ (dẫn chứng).

– Có sự thay đổi về tỉ trọng giữa năm 1996 và năm 2005 đối với từng vùng :

+ Tăng nhanh nhất là vùng nào ?

+ Giảm mạnh nhất là vùng nào ?

3. Giải thích dựa vào Atlas (hoặc bản đồ)

– Dựa vào thế mạnh (vị trí địa lí, tự nhiên, kinh tế – xã hội) để giải thích Đông Nam Bộ có tỉ trọng giá trị sản xuất công nghiệp lớn nhất so với các vùng khác trong cả nước.

– Chú ý đến thế mạnh về cơ chế chính sách và vốn đầu tư (trong, ngoài nước).